

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS - ST
Ngày 27- 9 - 2021
V/v Yêu cầu chia tài sản chung,
chia di sản thừa kế, yêu cầu thanh
toán nợ và yêu cầu hủy Giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Thanh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Dung

Ông Trần Thanh Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Sính - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2021 về Yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế, yêu cầu thanh toán nợ và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2021/QĐ-TA ngày 17 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lộc Thị N, cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lộc Thị N: Luật sư Nguyễn Thị Trung V thuộc Văn phòng Luật sư K, đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lộc Thị P, cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị B, cư trú tại: Số 63 khu Nhà Thờ, thị trấn Lộc Bình, huyện

Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Chị Hoàng Thị N, cư trú tại: Thôn Kéo Hin, xã Xuân Lễ, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Chị Hoàng Thị L, cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Chị Hoàng Thị H, cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Hoàng Thị Kim O, cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

7. Chị Lăng Thị T, cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Xuân M – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L, tỉnh Lạng Sơn, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyên N – Chức vụ: Phó giám đốc; vắng mặt.

10. Ông Triệu Văn B, anh Vi Văn H, ông Hoàng Văn H, anh Vi Văn Q, ông Hoàng Văn D, anh Chu Đức H, ông Hoàng Văn T, ông Lăng Văn T, bà Hoàng Thị S, bà Phạm Thị M, bà Dương Thị P, bà Vi Thị S, anh Hoàng Văn C; đều vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2019 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Lộc Thị N trình bày: Bà Lộc Thị N chung sống với ông Hoàng Văn S từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 13/11/2002. Bà Lộc Thị N và ông Hoàng Văn S sinh được 03 người con là chị Hoàng Thị L (sinh năm 1995), chị Hoàng Thị H (sinh năm 1996), Hoàng Thị Kim O (sinh năm 1998). Trước đó, ông Hoàng Văn S đã có vợ là bà Tổng Thị H (chết năm 1994) có 02 con là chị Hoàng Thị N (sinh năm 1987) và anh Hoàng Văn T (sinh năm 1989). Năm 2011, ông Hoàng Văn S chết không để lại di chúc. Vì vậy, bà Lộc Thị N khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bà Lộc Thị N và ông Hoàng Văn S là 39 thửa đất và tài sản trên đất đều có địa chỉ tại Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, bao gồm 32 thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gồm: 01 thửa đất ở, 12 thửa đất trồng lúa, 15 thửa đất trồng cây hàng năm, 03 thửa đất trồng cây lâu năm, 01 thửa đất nuôi trồng thủy sản); 07 thửa đất lâm nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho bà Lộc Thị N và ông Hoàng Văn S mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Sau đó, chia thừa kế của ông Hoàng Văn S cho những người thừa kế gồm: Bà Lộc Thị P (mẹ đẻ ông Hoàng Văn S), bà Lộc Thị N (vợ) và các con là Hoàng Thị N, Hoàng Văn T, Hoàng Thị L, Hoàng Thị H, Hoàng Thị Kim O. Yêu cầu bị đơn anh Hoàng Văn T phải trả cho

bà Lộc Thị N số tiền 8.500.000 đồng là $\frac{1}{2}$ số tiền bà Lộc Thị N đã chi phí để tổ chức đám cưới cho anh Hoàng Văn T và chị Lăng Thị T (tổng cộng chi phí tổ chức đám cưới là 17.000.000 đồng); yêu cầu anh Hoàng Văn T trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện L, tỉnh Lạng Sơn số tiền 28.500.000 đồng là tiền bà Lộc Thị N vay để nuôi anh Hoàng Văn T học đại học và mua xe máy cho anh Hoàng Văn T.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lộc Thị N xác định: Tài sản chung vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N là quyền sử dụng 03 thửa đất tại xứ đồng Nà C (bà Lộc Thị N gọi là Vàng C), gồm: (1) Thửa đất số 280 có diện tích 437 m²; (2) thửa đất số 281 có diện tích 761 m²; (3) thửa đất số 308 có diện tích 391 m² cùng thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa. Tài sản chung hộ gia đình là quyền sử dụng 36 thửa đất và tài sản trên đất, gồm có: (1) Thửa đất số 300, được các đương sự chia thành các phần có ký hiệu thửa tạm số 300.1 có diện tích 248,5 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn; ký hiệu thửa tạm số 300.2 có diện tích 147,5 m² và thửa tạm số 300.3 có diện tích 10 m² cùng thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất. (2) Thửa đất số 03 có diện tích 159 m² thuộc tờ bản đồ số 68 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (3) Thửa đất số 05 có diện tích 383 m² thuộc tờ bản đồ số 68 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (4) Thửa đất số 06 có diện tích 682 m² thuộc tờ bản đồ số 68 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (5) Thửa đất số 163 có diện tích 416 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (6) Thửa đất số 208 có diện tích 756 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (7) Thửa đất số 209 có diện tích 103 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (8) Thửa đất số 240 có diện tích 442 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (9) Thửa đất số 277 có diện tích 250 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất. (10) Thửa đất số 306 có diện tích 123 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (11) Thửa đất số 111 có diện tích 161 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (12) Thửa đất số 131 có diện tích 234 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (13) Thửa đất số 172 có diện tích 191 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (14) Thửa đất số 183 có diện tích 779 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (15) Thửa đất số 186 có diện tích 508 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (16) Thửa đất số 237 có diện tích 750 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (17) Thửa đất số 86 (ký hiệu thửa tạm 86.1) có diện tích 181 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (18) Thửa đất số 93 có diện tích 67 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (19) Thửa đất số 110 có diện tích 158 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (20) Thửa đất số 164 có diện tích 45 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (21) Thửa đất số 165 có diện

tích 63 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (22) Thửa đất số 166 có diện tích 58 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (23) Thửa đất số 185 có diện tích 47 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (24) Thửa đất số 208 có diện tích 145 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (25) Thửa đất số 223 có diện tích 145 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (26) Thửa đất số 224 có diện tích 110 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (27) Thửa đất số 46 có diện tích 819 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất. (28) Thửa đất số 289 có diện tích 373 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất. (29) Thửa đất số 299 có diện tích 377 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất. (30) Thửa đất số 652, địa danh Lọ O, có diện tích 16.806 m², thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất. (31) Một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.3), địa danh Tầm K, có diện tích 374,1 m² thuộc tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất. (32) Một phần thửa đất số 479 (ký hiệu số thửa tạm là 479.1) có diện tích 4.282,9 m², một phần thửa đất số 467 (ký hiệu số thửa tạm là 467.1) có diện tích 783,9 m², một phần thửa đất số 478 (ký hiệu số thửa tạm là 478.1) có diện tích 732,1 m², một phần thửa đất số 492 (ký hiệu số thửa tạm là 492.1) có diện tích 537,4 m² địa danh Lọ K, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất. (33) Một phần thửa đất số 115 (ký hiệu số thửa tạm là 115.1) có diện tích 4.696,6 m², một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.1) có diện tích 145,8 m², một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.2) có diện tích 160,2 m², một phần thửa đất số 130 (ký hiệu số thửa tạm là 130.1) có diện tích 184,6 m² địa danh Pàn Cườm, cùng thuộc tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất. (34) Một phần thửa đất số 621 (ký hiệu số thửa tạm là 621.1) có diện tích 61,4 m², một phần thửa đất số 627 (ký hiệu số thửa tạm là 627.1) có diện tích 678,7 m², một phần thửa đất số 628 (ký hiệu số thửa tạm là 628.1) có diện tích 157,5 m² địa danh Pàn Khẩu H, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất. (35) Một phần thửa đất số 483 (ký hiệu thửa tạm 483.1) địa danh Nà P, có diện tích 886,9 m² thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất. (36) Một phần thửa đất số 532 (ký hiệu thửa tạm 532.1) có diện tích 878,5 m² và một phần thửa đất số 555 (ký hiệu thửa tạm 555.1) có diện tích 437 m², địa danh Nà N, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất.

Nguyên đơn bà Lộc Thị N nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả định giá tài sản từ ngày 12/4/2021 đến ngày 16/4/2021 và các Trích đo khu đất tranh chấp do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp; xác định tổng giá trị tài sản chung vợ chồng ông Hoàng Văn S

và bà Lộc Thị N là 85.806.000 đồng (tám mươi năm triệu tám trăm linh sáu triệu đồng); tổng giá trị tài sản chung của hộ gia đình là 1.044.353.000 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Lộc Thị N yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn S, không yêu cầu thanh toán chi phí mai táng ông Hoàng Văn S và chi phí quản lý di sản của ông Hoàng Văn S, yêu cầu phân tài sản của bà Lộc Thị N và 03 con là Hoàng Thị L, Hoàng Thị H, Hoàng Thị Kim O được chia, được hưởng bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất đối với: (1) Một phần thửa đất số 300 (ký hiệu thửa tạm số 300.1) có diện tích 248,5 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 89.179.000 đồng (tám mươi chín triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). (2) Thửa đất số 280 có diện tích 437 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 23.598.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng). (3) Thửa đất số 281 có diện tích 761 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 41.094.000 đồng (bốn mươi một triệu không trăm chín mươi tư nghìn đồng). (4) Thửa đất số 308 có diện tích 391 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 21.114.000 đồng (hai mươi một triệu một trăm mười bốn nghìn đồng). (5) Thửa đất số 03 có diện tích 159 m² thuộc tờ bản đồ số 68 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 8.568.000 đồng (tám triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng). (6) Thửa đất số 05 có diện tích 383 m² thuộc tờ bản đồ số 68 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng là đất trồng lúa; trị giá 15.282.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng). (7) Thửa đất số 06 có diện tích 682 m² thuộc tờ bản đồ số 68 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 36.828.000 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng). (8) Thửa đất số 163 có diện tích 416 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 19.968.000 đồng (mười chín triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng). (9) Thửa đất số 208 có diện tích 756 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 36.288.000 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng). (10) Thửa đất số 209 có diện tích 103 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 4.944.000 đồng (bốn triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). (11) Thửa đất số 240 có diện tích 442 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 21.216.000 đồng (hai mươi một triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng). (12) Thửa đất số 277 có diện tích 250 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất, mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản, trị giá 21.591.000 đồng (hai mươi một triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng). (13) Thửa đất số 306 có diện tích 123 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng

cây hàng năm, trị giá 5.904.000 đồng (năm triệu chín trăm linh bốn nghìn đồng). (14) Thửa đất số 652, địa danh Lộ O, có diện tích 16.806 m², thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 217.502 đồng (hai trăm mười bảy triệu năm trăm linh hai nghìn đồng); tổng trị giá tài sản là 563.094.000 đồng (năm trăm sáu mươi ba triệu không trăm chín mươi tư nghìn đồng).

Trường hợp, bà Lộc Thị N và 03 con gái Hoàng Thị L, Hoàng Thị H, Hoàng Thị Kim O không được chia quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 652 và sở hữu tài sản trên thửa 652 nói trên thì bà Lộc Thị N yêu cầu thay thế thửa 652 bằng các thửa đất lâm nghiệp sau: (1) Một phần thửa đất số 479 (ký hiệu số thửa tạm là 479.1) có diện tích 4.282,9 m², một phần thửa đất số 467 (ký hiệu số thửa tạm là 467.1) có diện tích 783,9 m², một phần thửa đất số 478 (ký hiệu số thửa tạm là 478.1) có diện tích 732,1 m², một phần thửa đất số 492 (ký hiệu số thửa tạm là 492.1) có diện tích 537,4 m², địa danh Lộ K, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 88.269.000 đồng (tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng). (2) Một phần thửa đất số 115 (ký hiệu số thửa tạm là 115.1) có diện tích 4.696,6 m², một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.1) có diện tích 145,8 m², một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.2) có diện tích 160,2 m², một phần thửa đất số 130 (ký hiệu số thửa tạm là 130.1) có diện tích 184,6 m² địa danh Pàn Cườm, cùng thuộc tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 39.403.000 đồng (ba mươi chín triệu bốn trăm linh ba nghìn đồng). (3) Một phần thửa đất số 483 (ký hiệu thửa tạm 483.1), địa danh Nà P, có diện tích 886,9 m² thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất, mục đích sử dụng là đất lâm nghiệp, trị giá 12.691.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng). (4) Một phần thửa đất số 532 (ký hiệu thửa tạm 532.1) có diện tích 878,5 m² và một phần thửa đất số 555 (ký hiệu thửa tạm 555.1) có diện tích 437 m², địa danh Nà N, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất, mục đích sử dụng là đất lâm nghiệp, trị giá 22.358.000 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng); tổng trị giá tài sản bà Lộc Thị N và 03 con gái yêu cầu được chia trong trường hợp này là 508.312.000 đồng (năm trăm linh tám triệu ba trăm mười hai nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bà Lộc Thị N rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc anh Hoàng Văn T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 28.500.000 đồng và lãi suất theo quy định cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bà Lộc Thị N yêu cầu giải quyết chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo khu đất tranh chấp và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Phần lớn tài sản của gia đình đều có nguồn gốc do ông cha để lại cho ông bà nội anh là ông Hoàng Minh P và bà Lộc Thị P di truyền từ đời

này sang đời khác, bao gồm 39 thửa đất và tài sản trên đất, đều có địa chỉ tại Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ông Hoàng Minh P và bà Lộc Thị P đã quản lý, phát triển tài sản của ông cha và khai phá, tạo lập thêm 07 thửa rừng. Riêng đối với 03 thửa ruộng ở Nhà C cũng là ông Hoàng Minh P và bà Lộc Thị P bỏ tiền ra mua nhưng để cho ông Hoàng Văn S đứng tên mua bán. Sau này, ông Hoàng Văn S cũng là người đi kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 32 thửa đất của hộ gia đình, riêng 07 thửa rừng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi anh Hoàng Văn T và chị Lăng Thị T kết hôn, anh chị đã sửa chữa nhà cửa với số tiền 55.000.000 đồng. Đến nay, toàn bộ tài sản của gia đình vẫn do bà Lộc Thị P quản lý, sử dụng. Vì ông nội anh là Hoàng Minh P chết năm 2009, bố anh là Hoàng Văn S chết năm 2011 đều không để lại di chúc nên mới xảy ra tranh chấp tài sản trong gia đình. Anh Hoàng Văn T nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả định giá tài sản từ ngày 12/4/2021 đến ngày 16/4/2021 và các Trích đo khu đất tranh chấp do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp; xác định tổng giá trị tài sản chung vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N gồm 03 thửa ruộng ở Nhà C là 85.806.000 đồng (tám mươi năm triệu tám trăm linh sáu triệu đồng); tổng giá trị tài sản chung của hộ gia đình gồm 32 thửa đất và tài sản trên đất còn lại là 1.044.353.000 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng). Anh Hoàng Văn T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị N, anh cùng ý kiến với yêu cầu độc lập của bà Lộc Thị P chỉ chấp nhận cho bà Lộc Thị N và 03 con gái của bà Lộc Thị N được chia 03 thửa ruộng Nhà C, còn lại tất cả tài sản của gia đình để bà Lộc Thị P quản lý, sử dụng. Trường hợp không thống nhất được việc phân chia tài sản thì đề nghị Tòa án chia tài sản chung hộ gia đình, chia di sản thừa kế của ông Hoàng Minh P và ông Hoàng Văn S theo quy định của pháp luật. Đối với phần tài sản được chia và được hưởng thừa kế của anh Hoàng Văn T sẽ để lại cho bà Lộc Thị P tiếp tục quản lý, sử dụng và sở hữu. Anh Hoàng Văn T chấp nhận trả cho bà Lộc Thị N $\frac{1}{2}$ số tiền tổ chức đám cưới cho anh và chị Lăng Thị T là 8.500.000 đồng, tự nguyện chịu toàn bộ án phí đối với số tiền 8.500.000 đồng này. Anh Hoàng Văn T yêu cầu giải quyết chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo khu đất tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Tại đơn yêu cầu độc lập và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lộc Thị P trình bày: Phần lớn tài sản có tranh chấp bao gồm 36 thửa đất và tài sản trên đất ở Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có nguồn gốc là do ông cha của ông Hoàng Minh P để lại cha truyền con nối, thờ cúng hương hỏa cho tổ tiên, trong đó có 07 thửa đất rừng là do bà Lộc Thị P và ông Hoàng Minh P tạo lập nên. Chính bà và ông Hoàng Minh P là người cho ông Hoàng Văn S tiền để mua và tôn tạo các thửa ruộng ở Nhà C. Đến năm 1994, bà Lộc Thị N mới về làm dâu nhà bà nhưng chỉ cùng gia đình canh tác, sử dụng ruộng vườn, đồi rừng, không có công sức tạo lập thêm tài sản, tu sửa nhà cửa dù nhà xây dựng từ lâu đã dột nát, xuống cấp... Các cháu Hoàng Văn T và Lăng Thị T tuy mới kết hôn nhưng đã đóng góp số tiền là 55.000.000 đồng để sửa nhà. Sau khi ông Hoàng Minh P chết năm 2009 và ông Hoàng Văn S chết năm 2011 nhưng không

có di chúc để lại thì con dâu là bà Lộc Thị N xảy ra tranh chấp, yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế là khối tài sản của gia đình. Bà Lộc Thị P nhất trí với với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả định giá tài sản từ ngày 12/4/2021 đến ngày 16/4/2021 và các Trích đo khu đất tranh chấp do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp; xác định tổng giá trị tài sản chung vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N gồm 03 thửa ruộng ở Nhà C là 85.806.000 đồng (tám mươi năm triệu tám trăm linh sáu triệu đồng); tổng giá trị tài sản chung của hộ gia đình gồm 32 thửa đất và tài sản trên đất còn lại là 1.044.353.000 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng). Tuy ông Hoàng Văn S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 32 thửa đất nhà ở, đất trồng lúa, đất trồng cây hằng năm, trồng cây lâu năm và đứng tên kê khai 07 thửa đất rừng thì tất cả vẫn là tài sản của hộ gia đình. Ông Hoàng Minh P và bà Lộc Thị P chưa từng cho riêng ông Hoàng Văn S khối tài sản này, chỉ để ông Hoàng Văn S đại diện gia đình đứng tên kê khai, thực hiện các thủ tục theo quy định thôi. Vì vậy, bà Lộc Thị P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị N, bà Lộc Thị P yêu cầu được quản lý, sử dụng và sở hữu tài sản trên đất đối với 36 thửa đất là tài sản chung hộ gia đình có tổng giá trị là 1.044.353.000 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng), bà sẽ tự phân chia khối tài sản này cho con cháu có hiếu với ông bà, có trách nhiệm thờ cúng, hương hỏa cho tổ tiên. Bà Lộc Thị P không yêu cầu thanh toán chi phí mai táng cho ông Hoàng Minh P và quản lý di sản của ông Hoàng Minh P vì đây là nghĩa vụ, là tình nghĩa vợ chồng. Bà Lộc Thị P yêu cầu giải quyết chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo khu đất tranh chấp mà bà đã nộp tạm ứng theo quy định của pháp luật. Bà Lộc Thị P xin được miễn án phí dân sự sơ thẩm vì là người cao tuổi.

Tại các lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị H và Hoàng Thị Kim O thống nhất, cùng ý kiến và yêu cầu với nguyên đơn bà Lộc Thị N, thống nhất để bà Lộc Thị N được quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản được chia, được hưởng thừa kế của bà Lộc Thị N, chị Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị H và Hoàng Thị Kim O.

Tại các lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị B, chị Hoàng Thị N, chị Lăng Thị T cùng ý kiến, yêu cầu với bị đơn anh Hoàng Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Lộc Thị P. Bà Lộc Thị P, bà Hoàng Thị B, anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị N thống nhất để bà Lộc Thị P được quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản được chia, được hưởng thừa kế của bà Lộc Thị P, bà Hoàng Thị B, anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị N. Chị Lăng Thị T trình bày có sửa chữa nhà cửa, tôn tạo làm tăng thêm giá trị tài sản cho hộ gia đình tuy nhiên không yêu cầu độc lập mà đề nghị xem xét là công sức đóng góp của anh Hoàng Văn T vào khối tài sản chung của gia đình.

Tại các Công văn, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 32 thửa đất ở, trồng lúa, trồng cây hằng năm và trồng cây lâu năm

cho gia đình bà Lộc Thị P (ông Hoàng Văn S đứng tên kê khai) là đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng. Qua kết quả đo đạc, chồng ghép bản đồ và xem xét các hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sự chồng ghép một số thửa đất rừng do gia đình bà Lộc Thị P quản lý, sử dụng với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên nhất trí đề nghị Tòa án hủy các Giấy chứng nhận của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Tại các lời khai trong hồ sơ, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn C trình bày không quản lý, sử dụng thửa 628 mà thửa đất này do gia đình bà Lộc Thị P quản lý, sử dụng một phần, gia đình ông Triệu Văn B quản lý, sử dụng một phần. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Vi Thị S ký hiệu BD 583604, số vào sổ cấp GCN QSD đất CH 01052 ngày 15/10/2011 đối với thửa đất số 621, tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Pàn Khẩu H), tuy có tên trong sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đương sự không cung cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này, tại biên bản lấy lời khai, gia đình bà Vi Thị S trình bày không quản lý một phần diện tích đất thuộc thửa 621 vì gia đình bà Lộc Thị P đang quản lý, sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 583448, số vào sổ cấp GCN: CH 00945 ngày 15/10/2011 cho bà Dương Thị P đối với thửa đất số 478 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Lọ K, tên gọi khác Lục Khoang). Tại biên bản lấy lời khai, bà Dương Thị P trình bày không quản lý, sử dụng thửa 478 mà thửa đất này do gia đình bà Lộc Thị P quản lý, sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Hoàng Văn Tông và vợ là Vi Thị Minh ký hiệu BD 636764, số vào sổ cấp GCN QSD đất CH 01342 ngày 15/10/2011 đối với thửa đất số 555 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Nà N) nhưng ông Hoàng Văn Tông chưa nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này và cũng không quản lý, sử dụng thửa đất số 555. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Hoàng Văn D và vợ là Lăng Thị H ký hiệu BD 583490, số vào sổ cấp GCN QSD đất CH 00244 ngày 15/10/2011 đối với thửa đất số 121 tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Tầm K). Tuy nhiên, gia đình ông Hoàng Văn D không quản lý, sử dụng toàn bộ thửa 121 mà gia đình bà Lộc Thị P đang quản lý, sử dụng 1 phần thửa 121.

Tại các lời khai trong hồ sơ vụ án, người đại diện của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Bà Lộc Thị N đứng tên vay với Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L gồm số tiền 16.500.000 đồng với mục đích vay cho chị Hoàng Thị L học đại học, số tiền 12.000.000 đồng theo chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường từ năm 2014 đến nay chưa thanh toán nợ gốc và lãi. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Lộc Thị N trình bày: Về chia tài sản chung và chia di sản thừa kế: Yêu cầu được quản lý, sử dụng

các thửa đất, tài sản như tại biên bản thỏa thuận ngày 21/8/2021; Về yêu cầu thanh toán nợ: Yêu cầu anh Hoàng Văn T có trách nhiệm thanh toán cho bà Lộc Thị N số tiền 8.500.000 đồng là $\frac{1}{2}$ số tiền tổ chức đám cưới cho anh Hoàng Văn T và chị Lăng Thị T (17.000.000 đồng); Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Yêu cầu Tòa án hủy 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện L đã cấp cho các hộ gia đình; Về chi phí tố tụng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về nội dung anh Hoàng Văn T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện L số tiền gốc 28.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lộc Thị N chia tài sản chung vợ chồng, chia tài sản chung hộ gia đình, chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật; Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người liên quan bà Lộc Thị P. Chia tài sản chung hộ gia đình, chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật; Chấp nhận yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn bà Lộc Thị N, bị đơn anh Hoàng Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lộc Thị P; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lộc Thị N buộc anh Hoàng Văn T thanh toán khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội 28.500.000 đồng và lãi theo quy định do nguyên đơn đã rút đơn yêu cầu; Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Lộc Thị N và bị đơn anh Hoàng Văn T theo đó anh Tuấn thanh toán cho bà Nhơn 8.500.000 đồng; Về án phí dân sự sơ thẩm bà Lộc Thị P là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí được miễn án phí theo quy định. Nguyên đơn bà Lộc Thị N phải chịu án phí dân sự theo quy định. Bà Lộc Thị N, bà Lộc Thị P phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã có lời khai trong hồ sơ và có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là: Yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế và thanh toán nợ, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản chung, di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn

cấp là quyết định hành chính cá biệt cần xem xét hủy nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân và hàng thừa kế theo quy định của pháp luật: Ông Hoàng Minh P và bà Lộc Thị P là vợ chồng có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có 02 người con chung là Hoàng Văn S, Hoàng Thị B. Ông Hoàng Minh P chết năm 2009 không để lại di chúc, không còn cha mẹ đẻ nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Minh P là bà Hoàng Thị Pai, ông Hoàng Văn S và chị Hoàng Thị B được hưởng di sản của ông Hoàng Minh P. Ông Hoàng Văn S và bà Tông Thị H (đã chết năm 1994) là vợ chồng, có quan hệ hôn nhân hợp pháp và có hai con chung là Hoàng Thị N và Hoàng Văn T. Ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N là vợ chồng, có quan hệ hôn nhân hợp pháp và có ba con chung là Hoàng Thị L, Hoàng Thị H, Hoàng Thị Kim O. Ông Hoàng Văn S chết năm 2011 không để lại di chúc phân chia di sản nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của ông Hoàng Văn S là bà Lộc Thị P, bà Lộc Thị N, chị Hoàng Thị N, anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị H, Hoàng Thị Kim O.

[4] Các đương sự đều thống nhất xác định tài sản chung vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N, tài sản chung hộ gia đình là quyền sử dụng 39 thửa đất và tài sản trên đất tại Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, được thể hiện tại các Trích đo khu đất tranh chấp do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

[5] Trong đó có 32 thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: (1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BL 152579, số vào sổ cấp GCN: CH 02380, ngày 02/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho hộ ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N đối với các thửa đất số 165, 166, 185 thuộc tờ bản đồ số 67, địa chỉ: Xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BL 152577, số vào sổ cấp GCN: CH 02379, ngày 02/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho hộ ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N đối với các thửa đất số 163, 208, 209, 240, 277 thuộc tờ bản đồ số 58, địa chỉ: Xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BL 152578, số vào sổ cấp GCN: CH 02379, ngày 02/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho hộ ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N đối với thửa đất số 306 thuộc tờ bản đồ số 58 và các thửa đất số 86, 93, 110, 164 thuộc tờ bản đồ số 67, địa chỉ: Xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (4) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BL 152580, số vào sổ cấp GCN: CH 02381, ngày 02/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho hộ ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N đối với thửa đất số 300 thuộc tờ bản đồ số 58, địa chỉ: Xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (5) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BL 152576, số vào sổ cấp GCN: CH 02377, ngày 02/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho hộ ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N đối với các thửa đất số 289, 299 thuộc tờ bản đồ số 58, thửa đất số 46 thuộc tờ bản đồ số 67, địa chỉ: Xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (6) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BL 152583, số vào sổ cấp GCN: CH 02384, ngày 02/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho hộ

ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N đối với các thửa đất số 224, 237 thuộc tờ bản đồ số 67, các thửa đất số 3, 5, 6 thuộc tờ bản đồ số 68, địa chỉ: Xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (7) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BL 152582, số vào sổ cấp GCN: CH 02383, ngày 02/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho hộ ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N đối với các thửa đất số 172, 183, 186, 208, 223 thuộc tờ bản đồ số 67, địa chỉ: Xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (8) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BL 152581, số vào sổ cấp GCN: CH 02382, ngày 02/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho hộ ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N đối với các thửa đất số 280, 281, 308 thuộc tờ bản đồ số 58 và các thửa đất số 111, 131 thuộc tờ bản đồ số 67, địa chỉ: Xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[6] Các thửa đất lâm nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bao gồm: (1) Thửa đất số 652, địa danh Lọ O, có diện tích 16.806 m², thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (2) Một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.3), địa danh Tầm K, có diện tích 374,1 m² thuộc tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (3) Một phần thửa đất số 479 (ký hiệu số thửa tạm là 479.1) có diện tích 4.282,9 m², một phần thửa đất số 467 (ký hiệu số thửa tạm là 467.1) có diện tích 783,9 m², một phần thửa đất số 478 (ký hiệu số thửa tạm là 478.1) có diện tích 732,1 m², một phần thửa đất số 492 (ký hiệu số thửa tạm là 492.1) có diện tích 537,4 m² địa danh Lọ K, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn; kết quả chồng ghép bản đồ cho thấy các phần diện tích đất này thuộc một phần thửa đất số 575 bản đồ giao đất giao rừng. (4) Một phần thửa đất số 115 (ký hiệu số thửa tạm là 115.1) có diện tích 4.696,6 m², một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.1) có diện tích 145,8 m², một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.2) có diện tích 160,2 m², một phần thửa đất số 130 (ký hiệu số thửa tạm là 130.1) có diện tích 184,6 m² địa danh Pàn Cườm, cùng thuộc tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (5) Một phần thửa đất số 621 (ký hiệu số thửa tạm là 621.1) có diện tích 61,4 m², một phần thửa đất số 627 (ký hiệu số thửa tạm là 627.1) có diện tích 678,7 m², một phần thửa đất số 628 (ký hiệu số thửa tạm là 628.1) có diện tích 157,5 m² địa danh Pàn Khẩu H, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (6) Một phần thửa đất số 483 (ký hiệu thửa tạm 483.1), địa danh Nà P, có diện tích 886,9 m² thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (7) Một phần thửa đất số 532 (ký hiệu thửa tạm 532.1) có diện tích 878,5 m² và một phần thửa đất số 555 (ký hiệu thửa tạm 555.1) có diện tích 437 m², địa danh Nà N, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[7] Các đương sự đều thống nhất xác định tài sản chung của vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N gồm có quyền sử dụng 03 thửa đất tại xứ đồng Nà C (bà Lộc Thị N gọi là Vàng C) gồm: (1) Thửa đất số 280 có diện tích 437 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng

là đất trồng lúa, trị giá 23.598.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng). (2) Thửa đất số 281 có diện tích 761 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 41.094.000 đồng (bốn mươi một triệu không trăm chín mươi tư nghìn đồng). (3) Thửa đất số 308 có diện tích 391 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 21.114.000 đồng (hai mươi một triệu một trăm mười bốn nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản chung vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N là 85.806.000 đồng (tám mươi năm triệu tám trăm linh sáu triệu đồng).

[8] Các đương sự đều thống nhất xác định tài sản chung của hộ gia đình có nguồn gốc do ông cha của ông Hoàng Minh P để lại và do ông Hoàng Minh P, bà Lộc Thị P tạo lập nên trước năm 1994 là thời điểm ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N có quan hệ hôn nhân. Tài sản chung hộ gia đình là quyền sử dụng 36 thửa đất và tài sản trên đất, gồm có: (1) Thửa đất số 300, được các đương sự chia thành các phần có ký hiệu thửa tạm số 300.1 có diện tích 248,5 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 89.179.000 đồng (tám mươi chín triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng); ký hiệu thửa tạm số 300.2 có diện tích 147,5 m² và thửa tạm số 300.3 có diện tích 10 m² cùng thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, trị giá 96.600.000 đồng (chín mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). (2) Thửa đất số 03 có diện tích 159 m² thuộc tờ bản đồ số 68 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 8.568.000 đồng (tám triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng). (3) Thửa đất số 05 có diện tích 383 m² thuộc tờ bản đồ số 68 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng là đất trồng lúa; trị giá 15.282.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng). (4) Thửa đất số 06 có diện tích 682 m² thuộc tờ bản đồ số 68 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 36.828.000 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng). (5) Thửa đất số 163 có diện tích 416 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 19.968.000 đồng (mười chín triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng). (6) Thửa đất số 208 có diện tích 756 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 36.288.000 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng). (7) Thửa đất số 209 có diện tích 103 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 4.944.000 đồng (bốn triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). (8) Thửa đất số 240 có diện tích 442 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 21.216.000 đồng (hai mươi một triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng). (9) Thửa đất số 277 có diện tích 250 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất, mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản, trị giá 21.591.000 đồng (hai mươi một triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng). (10) Thửa đất số 306 có

diện tích 123 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 5.904.000 đồng (năm triệu chín trăm linh bốn nghìn đồng). (11) Thửa đất số 111 có diện tích 161 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 8.694.000 đồng (tám triệu sáu trăm chín mươi tư nghìn đồng). (12) Thửa đất số 131 có diện tích 234 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 12.636.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng). (13) Thửa đất số 172 có diện tích 191 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 10.314.000 đồng (mười triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng). (14) Thửa đất số 183 có diện tích 779 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 42.066.000 đồng (bốn mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). (15) Thửa đất số 186 có diện tích 508 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 27.432.000 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng). (16) Thửa đất số 237 có diện tích 750 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 40.500.000 đồng (bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng). (17) Thửa đất số 86 (ký hiệu thửa tạm 86.1) có diện tích 181 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 8.688 đồng (tám triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng). (18) Thửa đất số 93 có diện tích 67 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 3.216.000 đồng (ba triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng). (19) Thửa đất số 110 có diện tích 158 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 7.584.000 đồng (bảy triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng). (20) Thửa đất số 164 có diện tích 45 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 2.160.000 đồng (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). (21) Thửa đất số 165 có diện tích 63 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 3.024.000 đồng (ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). (22) Thửa đất số 166 có diện tích 58 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 2.784.000 đồng (hai triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn đồng). (23) Thửa đất số 185 có diện tích 47 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 2.256.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng). (24) Thửa đất số 208 có diện tích 145 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 6.960.000 đồng (sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). (25) Thửa đất số 223 có diện tích 145 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 6.960.000 đồng (sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). (26) Thửa đất số 224 có diện tích 110 m²

thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 5.328.000 đồng (năm triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng). (27) Thửa đất số 46 có diện tích 819 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 44.969.000 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng). (28) Thửa đất số 289 có diện tích 373 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 38.910.000 đồng (ba mươi tám triệu chín trăm mười nghìn đồng). (29) Thửa đất số 299 có diện tích 377 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 17.064.000 đồng (mười bảy triệu không trăm sáu mươi tư nghìn đồng). (30) Thửa đất số 652, địa danh Lọ O, có diện tích 16.806 m², thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 217.502 đồng (hai trăm mười bảy triệu năm trăm linh hai nghìn đồng). (31) Một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.3), địa danh Tầm K, có diện tích 374,1 m² thuộc tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 5.673.000 đồng (năm triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng). (32) Một phần thửa đất số 479 (ký hiệu số thửa tạm là 479.1) có diện tích 4.282,9 m², một phần thửa đất số 467 (ký hiệu số thửa tạm là 467.1) có diện tích 783,9 m², một phần thửa đất số 478 (ký hiệu số thửa tạm là 478.1) có diện tích 732,1 m², một phần thửa đất số 492 (ký hiệu số thửa tạm là 492.1) có diện tích 537,4 m² địa danh Lọ K, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 88.269.000 đồng (tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng). (33) Một phần thửa đất số 115 (ký hiệu số thửa tạm là 115.1) có diện tích 4.696,6 m², một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.1) có diện tích 145,8 m², một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.2) có diện tích 160,2 m², một phần thửa đất số 130 (ký hiệu số thửa tạm là 130.1) có diện tích 184,6 m² địa danh Pàn Cườm, cùng thuộc tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 39.403.000 đồng (ba mươi chín triệu bốn trăm linh ba nghìn đồng). (34) Một phần thửa đất số 621 (ký hiệu số thửa tạm là 621.1) có diện tích 61,4 m², một phần thửa đất số 627 (ký hiệu số thửa tạm là 627.1) có diện tích 678,7 m², một phần thửa đất số 628 (ký hiệu số thửa tạm là 628.1) có diện tích 157,5 m² địa danh Pàn Khẩu H, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 10.526.000 đồng (mười triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng). (35) Một phần thửa đất số 483 (ký hiệu thửa tạm 483.1), địa danh Nà P, có diện tích 886,9 m² thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất, mục đích sử dụng là đất lâm nghiệp, trị giá 12.691.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng). (36) Một phần thửa đất số 532 (ký hiệu

thửa tạm 532.1) có diện tích 878,5 m² và một phần thửa đất số 555 (ký hiệu thửa tạm 555.1) có diện tích 437 m², địa danh Nà N, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất, mục đích sử dụng là đất lâm nghiệp, trị giá 22.358.000 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản chung của hộ gia đình là 1.044.353.000 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng).

[9] Về xác định thành viên hộ gia đình: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả xác minh tại Công an Xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn xác định được thời điểm năm 2009 hộ gia đình ông Hoàng Văn S có 10 thành viên có quan hệ hôn nhân, huyết thống và chung sống với nhau, gồm: Ông Hoàng Minh P, bà Lộc Thị P, ông Hoàng Văn S, bà Lộc Thị N, bà Hoàng Thị B, chị Hoàng Thị N, anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị H và Hoàng Thị Kim O.

[10] Các đương sự không thỏa thuận phân chia được tài sản chung, di sản thừa kế. Căn cứ vào quy định của pháp luật và công sức tạo lập, quản lý, tôn tạo tài sản của từng đương sự, Hội đồng xét xử xác định phần tài sản được chia, được hưởng thừa kế của các đương sự như sau:

[11] Về phân chia tài sản chung của vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N có tổng giá trị là 85.806.000 đồng: Ông Hoàng Văn S và bà Lộc Thị N mỗi người được chia 50% giá trị khối tài sản chung vợ chồng là 42.903.000 đồng.

[12] Về phân chia tài sản chung hộ gia đình có tổng giá trị là 1.044.353.000 đồng, cụ thể như sau:

[13] Ông Hoàng Minh P và bà Lộc Thị P được hưởng phần tài sản hộ gia đình do ông cha để lại và trực tiếp quản lý tài sản của hộ gia đình với thời gian khoảng 60 năm, tạo lập thêm tài sản là 07 thửa rừng cho hộ gia đình nên mỗi người được chia 25 % giá trị khối tài sản chung hộ gia đình là 261.088.250 đồng (hai trăm sáu mươi một triệu không trăm tám mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng).

[14] Ông Hoàng Văn S, bà Hoàng Thị B là con đẻ của ông Hoàng Minh P và bà Lộc Thị P, cùng được hưởng phần tài sản của ông cha để lại, cùng gia đình quản lý tài sản của hộ gia đình. Bà Lộc Thị N tuy không phải là người được hưởng tài sản do ông cha của ông Hoàng Minh P để lại và không tạo lập, đóng góp vào khối tài sản chung hộ gia đình nhưng có công cùng gia đình quản lý tài sản chung của hộ gia đình với thời gian khoảng 27 năm. Do đó, ông Hoàng Văn S, bà Hoàng Thị B và bà Lộc Thị N mỗi người được chia 10% giá trị khối tài sản chung hộ gia đình là 104.435.300 đồng (một trăm lẻ tư triệu bốn trăm ba mươi năm nghìn ba trăm đồng).

[15] Anh Hoàng Văn T và vợ là chị Lăng Thị T có công sức sửa chữa nhà cửa với số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi năm triệu đồng) làm tăng giá trị khối tài sản chung của hộ gia đình. Chị Lăng Thị T không yêu cầu được chia phần đóng góp vào khối tài sản chung này, cùng ý kiến với anh Hoàng Văn T đề nghị Hội

đồng xét xử xác định là phần công sức đóng góp của anh Hoàng Văn T vào khối tài sản chung của hộ gia đình. Do đó, anh Hoàng Văn T được chia 8% giá trị khối tài sản chung hộ gia đình là 83.548.240 đồng (tám mươi ba triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

[16] Chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị H và Hoàng Thị Kim O không có đóng góp vào khối tài sản chung của hộ gia đình nhưng là thành viên của hộ gia đình nên được chia 3% giá trị khối tài sản chung hộ gia đình là 31.330.590 đồng (ba mươi một triệu ba trăm ba mươi nghìn năm trăm chín mươi đồng).

[17] Các đương sự đều không yêu cầu thanh toán chi phí mai táng phí cho ông Hoàng Minh P và ông Hoàng Văn S; không yêu cầu thanh toán chi phí quản lý di sản của ông Hoàng Minh P và ông Hoàng Văn S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[18] Ông Hoàng Minh P chết năm 2009 và ông Hoàng Văn S chết năm 2011 đều không để lại di chúc nên di sản của ông Hoàng Minh P và ông Hoàng Văn S được phân chia cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật.

[19] Di sản của ông Hoàng Minh P là phần tài sản trong khối tài sản chung hộ gia đình là 261.088.250 đồng được chia đều cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà Lộc Thị P, ông Hoàng Văn S và chị Hoàng Thị B mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế bằng nhau là $\frac{1}{3}$ di sản của ông Hoàng Minh P có giá trị là 87.029.417 đồng (tám mươi bảy triệu không trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm mười bảy đồng.)

[20] Di sản của ông Hoàng Văn S bao gồm phần tài sản trong khối tài sản chung vợ chồng là 42.903.000 đồng, phần tài sản trong khối tài sản chung hộ gia đình là 104.435.300 đồng, phần tài sản là di sản thừa kế của ông Hoàng Minh P là 87.029.417 đồng, tổng giá trị di sản của ông Hoàng Văn S là 234.367.717 đồng được chia đều cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà Lộc Thị P, bà Lộc Thị N, chị Hoàng Thị N, anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị H, Hoàng Thị Kim O mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế bằng nhau là $\frac{1}{7}$ di sản của ông Hoàng Văn S có giá trị là 33.481.102 đồng (ba mươi ba triệu bốn trăm tám mươi một nghìn một trăm linh hai đồng.)

[21] Tài sản của bà Lộc Thị N được hưởng bao gồm phần tài sản được chia trong khối tài sản chung vợ chồng là 42.903.000 đồng, phần tài sản được chia trong khối tài sản chung hộ gia đình là 104.435.300 đồng, phần tài sản là di sản thừa kế của ông Hoàng Văn S là 33.481.102 đồng; tổng cộng là 180.819.402 đồng (một trăm tám mươi triệu tám trăm mười chín nghìn bốn trăm lẻ hai đồng).

[22] Tài sản bà Lộc Thị P được hưởng bao gồm phần tài sản được chia trong khối tài sản chung của hộ gia đình là 261.088.250 đồng, phần tài sản là di sản thừa kế của ông Hoàng Minh P là 87.029.417 đồng, phần tài sản là di sản thừa kế của

ông Hoàng Văn S là 33.481.102 đồng; tổng cộng là 381.598.769 đồng (ba trăm tám mươi một triệu năm trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng).

[23] Tài sản của bà Hoàng Thị B được hưởng bao gồm phần tài sản được chia trong khối tài sản chung hộ gia đình là 104.435.300 đồng và phần tài sản là di sản thừa kế của ông Hoàng Minh P là 87.029.417 đồng; tổng cộng là 191.464.717 đồng (một trăm chín mươi một triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm mười bảy đồng).

[24] Tài sản của anh Hoàng Văn T được hưởng bao gồm phần tài sản được chia trong khối tài sản chung hộ gia đình là 83.548.240 đồng và phần tài sản là di sản thừa kế của ông Hoàng Văn S là 33.481.102 đồng; tổng cộng là 117.029.342 đồng (một trăm mười bảy triệu không trăm hai mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

[25] Các chị Hoàng Thị N, Hoàng Thị L, Hoàng Thị H, Hoàng Thị Kim O mỗi người được hưởng phần tài sản bằng nhau, gồm phần tài sản được chia trong khối tài sản chung hộ gia đình là 31.330.590 đồng và phần tài sản là di sản thừa kế của ông Hoàng Văn S là 33.481.102 đồng; tổng cộng là 64.811.692 đồng (sáu mươi tư triệu tám trăm mười một nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng).

[26] Bà Lộc Thị N và các chị Hoàng Thị L, Hoàng Thị H, Hoàng Thị Kim O thỏa thuận bà Lộc Thị N được hưởng phần tài sản của các chị Hoàng Thị L, Hoàng Thị H, Hoàng Thị Kim O là hợp pháp nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, tài sản của bà Lộc Thị N bao gồm phần tài sản được chia từ tài sản chung vợ chồng, tài sản chung hộ gia đình, di sản thừa kế và được tặng cho từ phần tài sản chung hộ gia đình, di sản thừa kế của các chị Hoàng Thị L, Hoàng Thị H và Hoàng Thị Kim O có tổng giá trị là 375.254.480 đồng (ba trăm bảy mươi năm triệu hai trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm tám mươi đồng).

[27] Tài sản của bà Lộc Thị N được chia, được hưởng bằng hiện vật là quyền quản lý, sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đều có địa chỉ tại Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn như sau: (1) Một phần thửa đất số 300 (ký hiệu thửa tạm số 300.1) có diện tích 248,5 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 89.179.000 đồng (tám mươi chín triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). (2) Thửa đất số 280 có diện tích 437 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 23.598.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng). (3) Thửa đất số 281 có diện tích 761 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 41.094.000 đồng (bốn mươi một triệu không trăm chín mươi tư nghìn đồng). (4) Thửa đất số 308 có diện tích 391 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 21.114.000 đồng (hai mươi một triệu một trăm mười bốn nghìn đồng). (5) Thửa đất số 03 có diện tích 159 m² thuộc tờ bản đồ số 68 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 8.568.000 đồng (tám triệu năm trăm sáu mươi tám

ngàn đồng). (6) Thừa đất số 05 có diện tích 383 m² thuộc tờ bản đồ số 68 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng là đất trồng lúa; trị giá 15.282.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm tám mươi hai ngàn đồng). (7) Thừa đất số 06 có diện tích 682 m² thuộc tờ bản đồ số 68 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 36.828.000 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm hai mươi tám ngàn đồng). (8) Thừa đất số 163 có diện tích 416 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 19.968.000 đồng (mười chín triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn đồng). (9) Thừa đất số 208 có diện tích 756 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 36.288.000 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi tám ngàn đồng). (10) Thừa đất số 209 có diện tích 103 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 4.944.000 đồng (bốn triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn đồng). (11) Thừa đất số 240 có diện tích 442 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 21.216.000 đồng (hai mươi một triệu hai trăm mười sáu ngàn đồng). (12) Thừa đất số 277 có diện tích 250 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất, mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản, trị giá 21.591.000 đồng (hai mươi một triệu năm trăm chín mươi một ngàn đồng). (13) Thừa đất số 306 có diện tích 123 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 5.904.000 đồng (năm triệu chín trăm linh bốn ngàn đồng). (14) Một phần thừa đất số 483 (ký hiệu thừa tạm 483.1), địa danh Nà P, có diện tích 886,9 m² thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất, mục đích sử dụng là đất lâm nghiệp, trị giá 12.691.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm chín mươi một ngàn đồng). (15) Một phần thừa đất số 532 (ký hiệu thừa tạm 532.1) có diện tích 878,5 m² và một phần thừa đất số 555 (ký hiệu thừa tạm 555.1) có diện tích 437 m², địa danh Nà N, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất, mục đích sử dụng là đất lâm nghiệp, trị giá 22.358.000 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi tám ngàn đồng). Tổng tài sản bằng hiện vật trị giá 380.641.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu sáu trăm bốn mươi một ngàn đồng), nhiều hơn so với giá trị tài sản bà Lộc Thị N được chia theo pháp luật là 5.386.520 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm hai mươi đồng).

[28] Bà Lộc Thị P và bà Hoàng Thị B, anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị N thỏa thuận bà Lộc Thị P được hưởng phần tài sản của bà Hoàng Thị B, anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị N là hợp pháp nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, tài sản của bà Lộc Thị P bao gồm phần tài sản được chia từ tài sản chung hộ gia đình, di sản thừa kế và được tặng cho từ phần tài sản chung hộ gia đình, di sản thừa kế của bà Hoàng Thị B, anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị N có tổng giá trị là 754.904.520 đồng (bảy trăm năm mươi tư triệu chín trăm linh tư ngàn năm trăm hai mươi đồng).

[29] Tài sản của bà Lộc Thị P được chia, được hưởng bằng hiện vật là quyền quản lý, sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đều có địa chỉ tại Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn như sau: (1) Một phần thửa đất số 300 ký hiệu thửa tạm số 300.2 có diện tích 147,5 m² và thửa tạm số 300.3 có diện tích 10 m² cùng thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, trị giá 96.600.000 đồng (chín mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). (2) Thửa đất số 111 có diện tích 161 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 8.694.000 đồng (tám triệu sáu trăm chín mươi tư nghìn đồng). (3) Thửa đất số 131 có diện tích 234 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 12.636.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng). (4) Thửa đất số 172 có diện tích 191 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 10.314.000 đồng (mười triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng). (5) Thửa đất số 183 có diện tích 779 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 42.066.000 đồng (bốn mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). (6) Thửa đất số 186 có diện tích 508 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 27.432.000 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng). (7) Thửa đất số 237 có diện tích 750 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 40.500.000 đồng (bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng). (8) Thửa đất số 86 (ký hiệu thửa tạm 86.1) có diện tích 181 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 8.688 đồng (tám triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng). (9) Thửa đất số 93 có diện tích 67 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 3.216.000 đồng (ba triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng). (10) Thửa đất số 110 có diện tích 158 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 7.584.000 đồng (bảy triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng). (11) Thửa đất số 164 có diện tích 45 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 2.160.000 đồng (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). (12) Thửa đất số 165 có diện tích 63 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 3.024.000 đồng (ba triệu không trăm hai mươi tư nghìn đồng). (13) Thửa đất số 166 có diện tích 58 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 2.784.000 đồng (hai triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn đồng). (14) Thửa đất số 185 có diện tích 47 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 2.256.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng). (15) Thửa đất số 208 có diện tích 145 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá

6.960.000 đồng (sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). (16) Thửa đất số 223 có diện tích 145 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 6.960.000 đồng (sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). (17) Thửa đất số 224 có diện tích 110 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 5.328.000 đồng (năm triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng). (18) Thửa đất số 46 có diện tích 819 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 44.969.000 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng). (19) Thửa đất số 289 có diện tích 373 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 38.910.000 đồng (ba mươi tám triệu chín trăm mười nghìn đồng). (20) Thửa đất số 299 có diện tích 377 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 17.064.000 đồng (mười bảy triệu không trăm sáu mươi tư nghìn đồng). (21) Thửa đất số 652, địa danh Lọ O, có diện tích 16.806 m², thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 217.502 đồng (hai trăm mười bảy triệu năm trăm linh hai nghìn đồng). (22) Một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.3), địa danh Tầm K, có diện tích 374,1 m² thuộc tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 5.673.000 đồng (năm triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng). (23) Một phần thửa đất số 479 (ký hiệu số thửa tạm là 479.1) có diện tích 4.282,9 m², một phần thửa đất số 467 (ký hiệu số thửa tạm là 467.1) có diện tích 783,9 m², một phần thửa đất số 478 (ký hiệu số thửa tạm là 478.1) có diện tích 732,1 m², một phần thửa đất số 492 (ký hiệu số thửa tạm là 492.1) có diện tích 537,4 m² địa danh Lọ K, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 88.269.000 đồng (tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng). (24) Một phần thửa đất số 115 (ký hiệu số thửa tạm là 115.1) có diện tích 4.696,6 m², một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.1) có diện tích 145,8 m², một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.2) có diện tích 160,2 m², một phần thửa đất số 130 (ký hiệu số thửa tạm là 130.1) có diện tích 184,6 m² địa danh Pàn Cườm, cùng thuộc tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 39.403.000 đồng (ba mươi chín triệu bốn trăm linh ba nghìn đồng). (25) Một phần thửa đất số 621 (ký hiệu số thửa tạm là 621.1) có diện tích 61,4 m², một phần thửa đất số 627 (ký hiệu số thửa tạm là 627.1) có diện tích 678,7 m², một phần thửa đất số 628 (ký hiệu số thửa tạm là 628.1) có diện tích 157,5 m² địa danh Pàn Khẩu H, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 10.526.000 đồng (mười triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Tổng tài sản bằng hiện vật trị giá

là 749.518.000 đồng (bảy trăm bốn mươi chín triệu năm trăm mười tám nghìn đồng), ít hơn so với giá trị tài sản bà Lộc Thị P được chia theo quy định của pháp luật là 5.386.520 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi đồng).

[30] Về nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch: Bà Lộc Thị N được chia phần tài sản theo pháp luật là 375.524.480 đồng nhưng tài sản bằng hiện vật được chia có giá trị là 380.641.000 đồng. Bà Lộc Thị P được chia phần tài sản theo pháp luật là 754.904.520 đồng nhưng tài sản bằng hiện vật được chia có giá trị là 749.518.000 đồng. Do đó, bà Lộc Thị N phải thanh toán chênh lệch trị giá tài sản cho bà Lộc Thị P số tiền là 5.386.520 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi đồng).

[31] Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng của vụ án là 101.500.000 đồng (một trăm linh một triệu năm trăm nghìn đồng). Nguyên đơn bà Lộc Thị N đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 71.500.000 đồng (bảy mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lộc Thị P đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Bà Lộc Thị N được chia tài sản là quyền quản lý, sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất có tổng giá trị là 380.641.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu sáu trăm tám mươi một nghìn đồng) nên phải chịu chi phí tố tụng là 34.185.500 đồng (ba mươi tư triệu một trăm tám mươi năm nghìn năm trăm đồng). Bà Lộc Thị P được chia tài sản là quyền quản lý, sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất có tổng giá trị là 749.518.000 đồng (bảy trăm bốn mươi chín triệu năm trăm mười tám nghìn đồng) nên phải chịu chi phí tố tụng là 67.314.500 đồng (sáu mươi bảy triệu ba trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng). Bà Lộc Thị P có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lộc Thị N số tiền chi phí tố tụng là 37.314.500 đồng (ba mươi bảy triệu ba trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng).

[32] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lộc Thị N và bị đơn anh Hoàng Văn T đã thỏa thuận được trách nhiệm thanh toán số tiền chi phí tổ chức đám cưới cho anh Hoàng Văn T và chị Lăng Thị T, vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bị đơn anh Hoàng Văn T có trách nhiệm thanh toán cho bà Lộc Thị N số tiền 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng) là $\frac{1}{2}$ số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) mà bà Lộc Thị N đã chi phí tổ chức đám cưới cho anh Hoàng Văn T và chị Lăng Thị T.

[33] Các khoản tiền nguyên đơn bà Lộc Thị N vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L, tỉnh Lạng Sơn gồm số tiền 16.500.000 đồng với mục đích vay cho chị Hoàng Thị L học đại học, số tiền 12.000.000 đồng theo chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lộc Thị N rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc anh Hoàng Văn T có trách nhiệm thanh toán các khoản vay vay Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện L, tỉnh Lạng Sơn gồm số tiền 16.500.000 đồng với mục đích cho chị Hoàng Thị L học đại học, số tiền 12.000.000 đồng theo chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nói trên nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của bà Lộc Thị N.

[34] Tại Công văn số 998/UBND-TNMT ngày 03/6/2021 của UBND huyện L về việc cung cấp thông tin, ý kiến.... và các hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thấy UBND huyện L đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với các thửa đất lâm nghiệp mà hiện nay do gia đình các đương sự Lộc Thị P, Hoàng Văn T, Lộc Thị N quản lý, sử dụng, bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Triệu Văn B và vợ là Vi Thị L ký hiệu BD 583576, sổ vào sổ cấp GCN QSD đất CH 00058 đối với thửa đất số 627 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Pàn Khẩu H). Tuy có tên trong sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đương sự và UBND huyện không cung cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Tại biên bản lấy lời khai, gia đình ông Triệu Văn B trình bày không quản lý một phần diện tích đất thuộc thửa 627 vì do gia đình bà Lộc Thị P đang quản lý, sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 583489, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00215 ngày 15/10/2011 cấp cho ông Hoàng Văn C đối với thửa đất số 628, tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Pàn Khẩu H). Tại biên bản lấy lời khai, ông Hoàng Văn C trình bày không quản lý, sử dụng thửa 628 mà thửa đất này do gia đình bà Lộc Thị P quản lý, sử dụng một phần, gia đình ông Triệu Văn B quản lý, sử dụng một phần. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Vi Thị S đối với thửa đất số 621, tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Pàn Khẩu H). Tuy có tên trong sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đương sự và UBND huyện không cung cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Tại biên bản lấy lời khai, gia đình bà Vi Thị S trình bày không quản lý một phần diện tích đất thuộc thửa 621 vì gia đình bà Lộc Thị P đang quản lý, sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 583448, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00945 ngày 15/10/2011 cho bà Dương Thị P đối với thửa đất số 478 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Lọ K, tên gọi khác Lục Khoang). Tại biên bản lấy lời khai, bà Dương Thị P trình bày không quản lý, sử dụng thửa 478 mà thửa đất này do gia đình bà Lộc Thị P quản lý, sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Hoàng Văn Tông và vợ là Vi Thị Minh đối với thửa đất số 555 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Nà N) tuy nhiên không có hồ sơ cấp GCN lưu tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Hoàng Văn D và vợ là Lăng Thị H ký hiệu BD 583490, sổ vào sổ cấp GCN QSD đất CH 00244 ngày 15/10/2011 đối với thửa đất số 121 tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Tầm K). Tuy nhiên, gia đình ông Hoàng Văn D không quản lý, sử dụng toàn bộ thửa 121 mà gia đình bà Lộc Thị P đang quản lý, sử dụng 1 phần thửa 121.

[35] Qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu, đối chiếu với các quy định tại thời điểm cấp Giấy CN.QSD đất năm 2011 cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các hộ gia đình ông Triệu Văn B, ông Hoàng Văn D, ông Hoàng Văn Tông, bà Vi Thị S, bà Dương Thị P, ông Hoàng Văn C cho thấy việc UBND huyện L cấp Giấy

CN.QSD đất cho các hộ gia đình này là chưa đúng đối tượng sử dụng đất. Vì thực tế các hộ gia đình này không quản lý, sử dụng các thửa đất đã được cấp GCN nói trên và không có tranh chấp đối với diện tích đất thuộc các đồi Pàn Khẩu H, đồi Nà N, đồi Lọ K, đồi Tầm K do gia đình bà Lộc Thị P, anh Hoàng Văn T, bà Lộc Thị N đang quản lý, sử dụng. Do đó, các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đối với các thửa đất số 627, 628, 621, 555, 478, 121 thuộc trường hợp xem xét thu hồi lại GCNQSD đất theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cần hủy một phần các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện L, bao gồm: (1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Triệu Văn B và vợ là Vi Thị L ký hiệu BD 583576, số vào sổ cấp GCN QSD đất CH 00058 đối với thửa đất số 627 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Pàn Khẩu H). (2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 583489, số vào sổ cấp GCN: CH 00215 ngày 15/10/2011 cấp cho ông Hoàng Văn C đối với thửa đất số 628, tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Pàn Khẩu H). (3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Vi Thị S ký hiệu BD 583604, số vào sổ cấp GCN QSD đất CH 01052 ngày 15/10/2011 đối với thửa đất số 621 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đối với thửa đất số 621, tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Pàn Khẩu H). (4) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 583448, số vào sổ cấp GCN: CH 00945 ngày 15/10/2011 cho bà Dương Thị P đối với thửa đất số 478 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Lọ K, tên gọi khác Lục Kh). (5) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Hoàng Văn Tông và vợ là Vi Thị Minh ký hiệu BD 636764, số vào sổ cấp GCN QSD đất CH 01342 ngày 15/10/2011 đối với thửa đất số 555 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Nà N). (6) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Hoàng Văn D và vợ là Lăng Thị H ký hiệu BD 583490, số vào sổ cấp GCN QSD đất CH 00244 ngày 15/10/2011 đối với thửa đất số 121 tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (một phần đồi Tầm K).

[36] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 8 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lộc Thị N, anh Hoàng Văn T và bà Lộc Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lộc Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 19.032.000 đồng tương ứng với giá trị tài sản được chia, được hưởng là 380.641.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Lộc Thị N đã nộp là 9.750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/0000553 ngày 20/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với thỏa thuận tại phiên tòa về việc anh Hoàng Văn T có trách nhiệm trả số tiền 8.500.000 đồng cho bà Lộc Thị N. Bà Lộc Thị P được miễn nộp toàn bộ án

phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vì là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp toàn bộ án phí.

[37] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 212, Điều 213, Điều 219, Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 658, Điều 660, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 246, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 29 Điều 3, Điều 99, khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào các Điều 33, Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 8 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị N về chia tài sản chung của vợ chồng, chia tài sản chung của hộ gia đình, chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn S, yêu cầu anh Hoàng Văn T thanh toán nợ, yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Lộc Thị P về chia tài sản chung của hộ gia đình, chia di sản thừa kế của ông Hoàng Minh P và ông Hoàng Văn S, yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Chia tài sản chung vợ chồng, chia tài sản chung hộ gia đình và di sản thừa kế, cụ thể như sau:

3.1. Tài sản chung vợ chồng, tài sản chung hộ gia đình, di sản thừa kế của ông Hoàng Văn S mà bà Lộc Thị N được chia và được tặng cho từ phần tài sản chung hộ gia đình, di sản thừa kế của các chị Hoàng Thị L, Hoàng Thị H và Hoàng Thị Kim O là quyền quản lý, sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đều có địa chỉ tại Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

- Một phần thửa đất số 300 (ký hiệu thửa tạm số 300.1) có diện tích 248,5 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 89.179.000 đồng (tám mươi chín triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1-A2-A18-A17-A8-A7-A1 tại

Trích đo số 42.1/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 280 có diện tích 437 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 23.598.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A8-A9-A10-A7-A8 tại Trích đo số 42.3/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 281 có diện tích 761 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 41.094.000 đồng (bốn mươi một triệu không trăm chín mươi tư nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A7-A8-A17-A13-A14-A15-A16-A7 tại Trích đo số 42.3/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 308 có diện tích 391 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 21.114.000 đồng (hai mươi một triệu một trăm mười bốn nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A10-A11-A12-A17-A10 tại Trích đo số 42.3/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 03 có diện tích 159 m² thuộc tờ bản đồ số 68 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 8.568.000 đồng (tám triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A2-A3-A4-A5-A10-A2 tại Trích đo số 42.6/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 05 có diện tích 383 m² thuộc tờ bản đồ số 68 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng là đất trồng lúa; trị giá 15.282.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A5-A6-A7-A8-A10-A5 tại Trích đo số 42.6/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 06 có diện tích 682 m² thuộc tờ bản đồ số 68 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 36.828.000 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1-A2-A10-A8-A9-A1 tại Trích đo số 42.6/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 163 có diện tích 416 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 19.968.000 đồng (mười chín triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Tứ

cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1-A2-A3-A4-A5-A1 tại Trích đo số 42.2/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 208 có diện tích 756 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 36.288.000 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A6-A7-A8-A18-A19-A20-A12-A13-A14-A15-A16-A17-A6 tại Trích đo số 42.2/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 209 có diện tích 103 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 4.944.000 đồng (bốn triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A8-A9-A19-A18-A8 tại Trích đo số 42.2/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 240 có diện tích 442 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 21.216.000 đồng (hai mươi một triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A9-A10-A11-A13-A12-A20-A19-A9 tại Trích đo số 42.2/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 277 có diện tích 250 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất, mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản, trị giá 21.591.000 đồng (hai mươi một triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A21-A22-A23-A24-A25-A21 tại Trích đo số 42.2/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 306 có diện tích 123 m² thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 5.904.000 đồng (năm triệu chín trăm linh bốn nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1-A2-A3-A4-A5-A6-A1 tại Trích đo số 42.3/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Một phần thửa đất số 483 (ký hiệu thửa tạm 483.1), địa danh Nà P, có diện tích 886,9 m² thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất, mục đích sử dụng là đất lâm nghiệp, trị giá 12.691.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1-A2-A3-A4-A5-A6-A7-A8-A9-A1 tại Trích đo số 49.4/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Một phần thửa đất số 532 (ký hiệu thửa tạm 532.1) có diện tích 878,5 m² và một phần thửa đất số 555 (ký hiệu thửa tạm 555.1) có diện tích 437 m², địa danh Nà N, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất, mục đích sử dụng là đất lâm nghiệp, trị giá 22.358.000 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất 532.1 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm C1-C2-C9-C8-C1, thửa đất 555.1 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm C8-C9-C6-C7-C8 tại Trích đo số 49.4/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

Tổng tài sản trị giá 380.641.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu sáu trăm tám mươi một nghìn đồng).

3.2. Tài sản chung hộ gia đình, di sản thừa kế của ông Hoàng Minh P, di sản thừa kế của Hoàng Văn S mà bà Lộc Thị P được chia và được tặng cho từ phần tài sản chung hộ gia đình, di sản thừa kế của bà Hoàng Thị B, chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Văn T là quyền quản lý, sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đều có địa chỉ tại Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

- Một phần thửa đất số 300 ký hiệu thửa tạm số 300.2 có diện tích 147,5 m² và thửa tạm số 300.3 có diện tích 10 m² cùng thuộc tờ bản đồ số 58 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, trị giá 96.600.000 đồng (chín mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất 300.2 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A4-A5-A6-A7-A8-A4, thửa đất 300.3 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A3-A4-A8-A17-A18-A3 tại Trích đo số 42.1/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 111 có diện tích 161 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 8.694.000 đồng (tám triệu sáu trăm chín mươi tư nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A15-A16-A17-A18-A15 tại Trích đo số 42.4/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 131 có diện tích 234 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 12.636.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A23-A24-A25-A26-A23 tại Trích đo số 42.4/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 172 có diện tích 191 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 10.314.000 đồng (mười triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1-A2-A3-A4-A1 tại Trích đo số 42.5/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 183 có diện tích 779 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 42.066.000 đồng (bốn mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A22-A23-A24-A25-A26-A22 tại Trích đo số 42.5/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 186 có diện tích 508 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 27.432.000 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A5-A6-A10-A11-A5 tại Trích đo số 42.5/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 237 có diện tích 750 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, trị giá 40.500.000 đồng (bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A27-A28-A29-A30-A27 tại Trích đo số 42.5/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 86 (ký hiệu thửa tạm 86.1) có diện tích 181 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 8.688 đồng (tám triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A7-A8-A9-A10-A7 tại Trích đo số 42.4/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 93 có diện tích 67 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 3.216.000 đồng (ba triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A11-A12-A13-A14-A11 tại Trích đo số 42.4/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 110 có diện tích 158 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 7.584.000 đồng (bảy triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A19-A20-A21-A22-A19 tại Trích đo số 42.4/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 164 có diện tích 45 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 2.160.000 đồng (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A28-A29-A32-A33-A28 tại Trích đo số 42.4/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 165 có diện tích 63 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 3.024.000 đồng (ba triệu không trăm hai tư nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A27-A28-A33-A34-A27 tại Trích đo số 42.4/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 166 có diện tích 58 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 2.784.000 đồng (hai triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A29-A30-A31-A32-A29 tại Trích đo số 42.4/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 185 có diện tích 47 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 2.256.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A12-A13-A16-A17-A12 tại Trích đo số 42.5/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 208 có diện tích 145 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 6.960.000 đồng (sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A13-A14-A15-A16-A13 tại Trích đo số 42.5/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 223 có diện tích 145 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 6.960.000 đồng (sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A6-A7-A8-A9-A10-A6 tại Trích đo số 42.5/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 224 có diện tích 110 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm, trị giá 5.328.000 đồng (năm triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A18-A19-A20-A21-A18 tại Trích đo số 42.5/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 46 có diện tích 819 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 44.969.000 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1-A2-A3-A4-A5-A6-A1 tại Trích đo số 42.4/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

cấp.

- Thửa đất số 289 có diện tích 373 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 38.910.000 đồng (ba mươi tám triệu chín trăm mười nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A2-A9-A10-A11-A12-A3-A18-A2 tại Trích đo số 42.1/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 299 có diện tích 377 m² thuộc tờ bản đồ số 67 Bản đồ địa chính xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 17.064.000 đồng (mười bảy triệu không trăm sáu mươi tư nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A11-A13-A14-A15-A16-A5-A4-A3-A11 tại Trích đo số 42.1/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Thửa đất số 652, địa danh Lọ O, có diện tích 16.806 m², thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 217.502 đồng (hai trăm mười bảy triệu năm trăm linh hai nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1-A2-A3-A4-A5-A6-A7-A8-A9-A10-A11-A12-A13-A1 tại Trích đo số 49.3/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.3), địa danh Tầm K, có diện tích 374,1 m² thuộc tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 5.673.000 đồng (năm triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm B5-B6-B7-B8-B9-B5 tại Trích đo số 49.1/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Một phần thửa đất số 479 (ký hiệu số thửa tạm là 479.1) có diện tích 4.282,9 m², một phần thửa đất số 467 (ký hiệu số thửa tạm là 467.1) có diện tích 783,9 m², một phần thửa đất số 478 (ký hiệu số thửa tạm là 478.1) có diện tích 732,1 m², một phần thửa đất số 492 (ký hiệu số thửa tạm là 492.1) có diện tích 537,4 m² địa danh Lọ K, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 88.269.000 đồng (tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất số 479.1 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm B1-B2-B17-B18-B19-B20-B10-B11-B13-B14-B15-B16-B1; thửa đất số 467.1 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm B2-B3-B4-B5-B19-B18-B17-B2; thửa đất số 478.1 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm B5-B6-B7-B8-B20-B19-B5; thửa đất số 492.1 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm B20-B8-B9-B10-B20 tại Trích đo số 49.4/2021 do Công ty Cổ

phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Một phần thửa đất số 115 (ký hiệu số thửa tạm là 115.1) có diện tích 4.696,6 m², một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.1) có diện tích 145,8 m², một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.2) có diện tích 160,2 m², một phần thửa đất số 130 (ký hiệu số thửa tạm là 130.1) có diện tích 184,6 m² địa danh Pàn Cuôm, cùng thuộc tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 39.403.000 đồng (ba mươi chín triệu bốn trăm linh ba nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất số 115.1 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1-A2-B1-B2-A4-B3-A7-A8-A9-A10-A11-A12-A1; thửa đất số 121.1 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm B1-A3-A4-B2-B1; thửa đất số 121.2 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A4-A5-B4-B3-A4; thửa đất số 13.1 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm B3-B4-A6-A7-B3 tại Trích đo số 49.1/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

- Một phần thửa đất số 621 (ký hiệu số thửa tạm là 621.1) có diện tích 61,4 m², một phần thửa đất số 627 (ký hiệu số thửa tạm là 627.1) có diện tích 678,7 m², một phần thửa đất số 628 (ký hiệu số thửa tạm là 628.1) có diện tích 157,5 m² địa danh Pàn Khẩu H, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H huyện L, tỉnh Lạng Sơn, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất và toàn bộ tài sản trên đất, trị giá 10.526.000 đồng (mười triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất số 621.1 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1-B1-B2-B4-B5-A9-A10-A1; thửa đất số 627.1 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm B2-B3-A3-A4-A5-A6-A7-A8-B5-B4-B2; thửa đất số 628.1 được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm B1-A2-B3-B2-B1 tại Trích đo số 49.2/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

Tổng tài sản trị giá là 749.518.000 đồng (bảy trăm bốn mươi chín triệu năm trăm mười tám nghìn đồng).

3.3. Nghĩa vụ bù trừ chênh lệch: Bà Lộc Thị N có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch giá trị tài sản là 5.386.520 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi đồng) cho bà Lộc Thị P.

3.4. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bị đơn anh Hoàng Văn T có trách nhiệm thanh toán cho bà Lộc Thị N số tiền 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng) là chi phí mà bà Lộc Thị N đã chi trả để tổ chức đám cưới cho anh Hoàng Văn T và chị Lăng Thị T.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị N yêu cầu anh Hoàng Văn T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện L, tỉnh Lạng Sơn tổng số tiền gốc 28.500.000 đồng và lãi suất theo

quy định, trong đó vay Chương trình học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn số tiền gốc là 16.500.000 đồng, vay Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn số tiền gốc là 12.000.000 đồng, thể hiện tại Sổ vay vốn có họ tên người vay là Lộc Thị N, mã KH: 050303.

6. Về chi phí tố tụng và nghĩa vụ hoàn trả chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng của vụ án là 101.500.000 đồng (một trăm linh một triệu năm trăm nghìn đồng). Nguyên đơn bà Lộc Thị N đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 71.500.000 đồng (bảy mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lộc Thị P đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Bà Lộc Thị N được chia tài sản là quyền quản lý, sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất có tổng giá trị là 380.641.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu sáu trăm tám mươi một nghìn đồng) nên phải chịu chi phí tố tụng là 34.185.500 đồng (ba mươi tư triệu một trăm tám mươi năm nghìn năm trăm đồng). Xác nhận bà Lộc Thị N đã nộp đủ chi phí tố tụng.

Bà Lộc Thị P được chia tài sản là quyền quản lý, sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất có tổng giá trị là 749.518.000 đồng (bảy trăm bốn mươi chín triệu năm trăm mười tám nghìn đồng) nên phải chịu chi phí tố tụng là 67.314.500 đồng (sáu mươi bảy triệu ba trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng). Bà Lộc Thị P có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lộc Thị N số tiền chi phí tố tụng là 37.314.500 đồng (ba mươi bảy triệu ba trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng).

7. Hủy một phần các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, bao gồm:

7.1. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Triệu Văn B và vợ là Vi Thị L ký hiệu BD 583576, số vào sổ cấp GCN QSD đất CH 00058 đối với thửa đất số 627 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; phần diện tích bị hủy là 678,7 m² thuộc một phần thửa đất số 627 (ký hiệu số thửa tạm là 627.1), có địa danh Pàn Khẩu H, tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm B2-B3-A3-A4-A5-A6-A7-A8-B5-B4-B2 tại Trích đo số 49.2/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

7.2. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 583489, số vào sổ cấp GCN: CH 00215 ngày 15/10/2011 cấp cho ông Hoàng Văn C đối với thửa đất số 628, tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; phần diện tích bị hủy là 157,5 m² thuộc một phần thửa đất số 628 (ký hiệu số thửa tạm là 628.1) có địa danh Pàn Khẩu H, tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm B1-A2-B3-B2-B1 tại Trích đo số 49.2/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

7.3. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Vi Thị S ký hiệu BD 583604, số vào sổ cấp GCN QSD đất CH 01052 ngày 15/10/2011 đối

với thửa đất số 621 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; phần diện tích đất bị hủy là 61,4 m² thuộc một phần thửa đất số 621 (ký hiệu số thửa tạm là 621.1), có địa danh Pàn Khẩu H, tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1-B1-B2-B4-B5-A9-A10-A1 tại Trích đo số 49.2/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

7.4. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 583448, số vào sổ cấp GCN: CH 00945 ngày 15/10/2011 cho bà Dương Thị P đối với thửa đất số 478 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; phần diện tích đất bị hủy là 732,1 m² thuộc một phần thửa đất số 478 (ký hiệu số thửa tạm là 478.1) có địa danh Lọ K, tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm B5-B6-B7-B8-B20-B19-B5 tại Trích đo số 49.4/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

7.5. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Hoàng Văn Tông và vợ là Vi Thị Minh ký hiệu BD 636764, số vào sổ cấp GCN QSD đất CH 01342 ngày 15/10/2011 đối với thửa đất số 555 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; phần diện tích đất bị hủy là 437 m² thuộc một phần thửa đất số 555 (ký hiệu thửa tạm 555.1), có địa danh Nà N, tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm C8-C9-C6-C7-C8 tại Trích đo số 49.4/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

7.6. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Hoàng Văn D và vợ là Lăng Thị H ký hiệu BD 583490, số vào sổ cấp GCN QSD đất CH 00244 ngày 15/10/2011 đối với thửa đất số 121 tờ bản đồ số 04 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; phần diện tích đất bị hủy là 374,1 m² thuộc một phần thửa đất số 121 (ký hiệu số thửa tạm là 121.3), địa danh Tầm K, tứ cận giáp ranh và độ dài các cạnh của thửa đất được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm B5-B6-B7-B8-B9-B5 tại Trích đo số 49.1/2021 do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông T chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

8. Nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lộc Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 19.032.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lộc Thị N đã nộp là 9.750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/0000553 ngày 20/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Bà Lộc Thị N còn phải nộp số tiền án phí là 9.282.000

đồng.

Bị đơn anh Hoàng Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 425.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lộc Thị P được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm vì là người cao tuổi.

10. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Thanh Long